TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26C/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2025
V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn T Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc, Bà Đoàn Thị Chuyền.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 13- P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Sản - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13- P xét xử sơ thẩm công kA vụ án dân sự thụ lý số 92/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 về việc ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 34/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị X, sinh năm 1991;

Số định danh cá nhân: 030191014280;

Nơi thường trú: thôn H, xã L, huyện T Miện, tỉnh D (nay là thôn H, xã Bắc T Miện, thành phố P);

Chỗ ở: thôn Ư, xã K, thành phố P.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị Đoan S- Luật sư, Công ty Luật TNHH Z, Đoàn luật sư thành phố Q; Địa chỉ: Số 10 ngõ 40, đường Y, phường E, thành phố Q.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1990;

Số định danh cá nhân: 030090020657;

Nơi thường trú: thôn H, xã L, huyện T Miện, tỉnh D (nay là thôn H, xã Bắc T Miện, thành phố P).

Nơi thường trú: thôn H, xã Bắc T Miện, thành phố P.

(Chị X, ông A, bà S, anh T đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc với Toà án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Phan Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T Miện, tỉnh D (nay là UBND xã Bắc T Miện, thành phố P) ngày 28/02/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng chị 05 năm thì xây nhà ở riêng. Vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh T chơi bời nợ nần, không tu chí làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T còn đánh chị nhiều lần. Chị đã bỏ về nhà ngoại nhiều lần nhưng vì thương con và muốn vun vén cho gia đình nên chị đã tha thứ cho anh T quay về chung sống. Tuy nhiên, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh T thường xuyên chửi mắng, đánh chị, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn trầm trọng đỉnh điểm vào ngày 11/7/2025 anh chị đã xảy ra xô xát cãi nhau, anh T đánh và đuổi chị về nhà bố mẹ đẻ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Bùi Gia Linh, sinh ngày 17/12/2013 và Bùi Gia Hưng, sinh ngày 04/12/2017. Hiện A con đang ở với anh T. Ly hôn, chị xin được nuôi A con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi A con chung. Chị làm công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 11 triệu đồng.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại bản tự kA, quá trình làm việc với Toà án, bị đơn anh Bùi Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị X trình bày. Vợ chồng chung sống vui vẻ từ khi lấy nhau đến khoảng cuối tháng 7, đầu tháng 8 năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không chia sẻ, không có tiếng nói chung. Vợ chồng có những lời nói xúc phạm nhau, do anh không kiềm chế được lời nói. Anh mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, anh đã nhận ra sai lầm của mình. Anh mong chị X cho anh thêm cơ hội để anh thay đổi bản thân, vợ chồng đoàn tụ chăm sóc A con chung. Anh không đồng ý ly hôn chị X.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị X trình bày là đúng. Hiện A con đang ở cùng với anh. Ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi A con chung và tự nguyện không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm việc cho Công ty, mức lương khoảng 30 triệu đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, chị X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày. Anh T nhất trí ly hôn và giữ nguyên ý kiến xin được nuôi dưỡng A con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P phát biểu ý kiến: Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị X ly hôn anh Bùi Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Gia Linh, sinh ngày 17/12/2013 cho chị X nuôi dưỡng; Giao cháu Bùi Gia Hưng, sinh ngày 04/12/2017 cho anh T nuôi dưỡng. A bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T, chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết.

- Về án phí: Chị Phan Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phan Thị X yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 13- P giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Bùi Văn T, đăng ký thường trú tại thôn H, xã Bắc T Miện, thành phố P. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13- P. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị X và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T Miện, tỉnh D (nay là UBND xã Bắc T Miện, thành phố P) ngày 28/02/2011, nên quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh T là hợp pháp.

Trên cơ sở lời kA của chị X, anh T và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Quá trình chung sống, chị X anh T đã xảy ra mâu thuẫn do không thống nhất được cách tổ chức cuộc sống chung, thường xuyên xảy ra bất đồng, đánh cãi nhau, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân nhau, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Điều đó cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn

nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên toà chị X giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh T đồng ý, cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị X và anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có A con chung là cháu Bùi Gia Linh, sinh ngày 17/12/2013 và Bùi Gia Hưng, sinh ngày 04/12/2017. Hiện A con đang ở cùng với anh T. Chị X, anh T đều xin được nuôi A con và tự nguyện không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị X, anh T đều có đủ điều kiện nuôi con (đều có công việc, thu nhập, nơi ở ổn định), nguyện vọng xin nuôi con của anh chị đều là chính đáng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, cháu Linh bày tỏ nguyện vọng xin được ở với mẹ, cháu Hưng bày tỏ nguyện vọng xin được ở với bố. Do đó, cần giao cho chị X, anh T mỗi người nuôi một con, cháu Linh là con gái đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý cần giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hưng cho anh T nuôi dưỡng, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị X và anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Gia Linh, sinh ngày 17/12/2013 cho chị Phan Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Bùi Gia Hưng, sinh ngày 04/12/2017 cho anh Bùi Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị X, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị X, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0000577 ngày 05/8/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố P. Chị Phan Thị X đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 13- P;
- THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã L (Nay là UBND xã Bắc T Miện, TP P (Giấy CNKH số 19 ngày 28/02/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn T Nhàn